TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 15-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Chiều;

2. Ông Lý Thanh Phong;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B;

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, số xxx, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Ngọc A; địa chỉ làm việc: Số xxx, Quốc lộ A, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hậu Giang; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 09/2020/QĐ-L ngày 06 tháng 01 năm 2020). (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị B;

Địa chỉ cư trú: Ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-02-2020 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Dương Ngọc A, là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 10-01-2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Phòng giao dịch T thuộc Chi nhánh tỉnh Hậu Giang (gọi tắt là Ngân hàng) với bà Phạm Thị B có ký Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD801201905954. Theo đó, Ngân hàng cho bà B vay số tiền 230.000.000 đồng, mục đích vay là để mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 10,6%/năm, áp dụng cố định từ ngày 10-01-2019 đến hết ngày 09-01-2020, sau ngày 09-01-2020 áp dụng lãi suất theo lãi suất xếp hạng tín dụng của L.Bank tại thời điểm điều chỉnh và áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ thay đổi trong thời hạn vay, trong đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 10-01-2019 đến ngày 08-01-2024, không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản; kỳ hạn trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.833.000 đồng, kỳ cuối trả 3.853.000 đồng, kỳ trả gốc đầu tiên là vào ngày 20-02-2019, kỳ hạn trả lãi là trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc.

Sau khi vay, bà B đã trả cho Ngân hàng được tổng cộng 46.609.049 đồng (trong đó gốc 30.664.000 đồng, lãi 15.945.049 đồng). Đến ngày 21-10-2019, bà B ngưng trả cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhưng bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải thanh toán khoản nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-5-2020) bao gồm tiền vốn gốc 199.336.000 đồng, tiền lãi trong hạn 18.152.517 đồng, tiền lãi quá hạn 1.095.345 đồng, tổng cộng là 218.583.862 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

Các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD801201905954 ngày 10-01-2019 (bản chứng thực); Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án trả nợ ngày 10-01-2019 (bản photo); Biên bản làm việc ngày 28-9-2019 và ngày 22-10-2019 giữa đại diện Ngân hàng B với bà Phạm Thị B (bản photo); Thông báo nợ đến hạn không đề ngày tháng năm của Ngân hàng B, gửi cho bà Phạm Thị B (bản photo); Thông báo nợ quá hạn đề ngày 25-10-2019 của Ngân hàng B, gửi cho bà Phạm Thị B và Phòng Giáo dục và đào tạo huyện M (bản photo).

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 12-3-2020 của Tòa án, bị đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Bà thừa nhận vào ngày 10-01-2019, bà có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần B tại Phòng giao dịch T thuộc Chi nhánh tỉnh Hậu Giang đúng như người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày, số tiền gốc là 230.000.000 đồng. Sau khi vay, bà có trả vốn lãi theo định kỳ được một thời gian thì không còn khả năng trả nợ nữa do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nay bà xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù bị đơn là bà B vắng mặt lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà B mà không hoãn phiên tòa. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp, giao nộp, cũng như sự thừa nhận của bà B thì yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Phạm Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để tham gia phiên tòa sơ thẩm và bà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà B mà không hoãn phiên tòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng, cho bà B vay tiền với mục đích là mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà B trả nợ không đúng kỳ hạn như thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng với bị đơn bà B là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp M, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, về việc yêu cầu bà B trả tiền vay còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-5-2020) bao gồm tiền vốn 199.336.000 đồng, tiền lãi trong hạn 18.152.517 đồng, tiền lãi quá hạn

1.095.345 đồng, tổng cộng là 218.583.862 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh trên số tiền vốn gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 16-5-2020) cho đến khi trả hết nợ, Hội đồng xét xử thấy: Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD801201905954 ngày 10-01-2019 thì bà B nhận tiền vay của Ngân hàng là 230.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay trong hạn là 10,6%/năm, áp dụng cố định từ ngày 10-01-2019 đến hết ngày 09-01-2020, sau ngày 09-01-2020 áp dụng lãi suất theo lãi suất xếp hạng tín dụng của L.Bank tại thời điểm điều chỉnh và áp dụng lãi suất theo phương thức định kỳ thay đổi trong thời hạn vay, trong đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 10-01-2019 đến ngày 08-01-2024, không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản; kỳ hạn trả nợ gốc là vào ngày 20 hàng tháng, trả 60 kỳ, 59 kỳ đầu trả 3.833.000 đồng, kỳ cuối trả 3.853.000 đồng, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 20-02-2019, kỳ hạn trả lãi là trả hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Sau khi vay, bà B không trả tiền vốn và lãi đầy đủ, đúng hạn như đã thỏa thuận và đến nay khoản nợ vay này đã chuyển sang nợ quá hạn.

[5] Theo Án lệ số 08/2016/AL về giải quyết tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng, tổ chức tín dụng với khách hàng vay, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16-5-2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: *"Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay"*.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban

hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và theo Án lệ số 08/2016/AL, có đủ cơ sở để buộc bà B phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-5-2020) gồm tiền nợ gốc chưa thanh toán là 199.336.000 đồng; tiền lãi trên nợ gốc trong hạn là 18.152.517 đồng; tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán là 1.095.345 đồng; tổng cộng là 218.583.862 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 16-5-2020), bà còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD801201905954 ngày 10-01-2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc trên. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[7] Như vậy, các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[8] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà B có yêu cầu Ngân hàng cho bà được trả nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng không đồng ý và vấn đề này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, mà thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 218.583.862 đồng x 5% = 10.929.193,1 đồng, làm tròn số là 10.929.193 đồng, còn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14-4-2010 của Ngân hàng Nhà nước, hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-02-2005; Điều 7, khoản 2 Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Buộc bà Phạm Thị B trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15-5-2020), bao gồm các khoản sau đây:

- Nợ gốc: 199.336.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng);

- Tiền lãi trong hạn: 18.152.517 đồng (Mười tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn năm trăm mười bảy đồng);

- Tiền lãi quá hạn: 1.095.345 đồng (Một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

Tổng cộng là 218.583.862 đồng (Hai trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi hai đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-5-2020), bà Phạm Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD801201905954 ngày 10-01-2019, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD801201905954 ngày 10-01-2019, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, thì lãi suất mà bà Phạm Thị B phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

3. Án phí:

- Bà Phạm Thị B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.929.193 đồng (Mười triệu chín trăm hai mươi chín nghìn một trăm chín mươi ba đồng).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.116.000 đồng (Năm triệu một trăm mười sáu nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm